

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	7 - 8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 37



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Thành viên
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Thành viên
	Ông Đinh Văn Thập	Thành viên
	Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Tổng Giám đốc
	Ông Đinh Văn Thập	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thanh	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Dương Thị Tuyết	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Dân	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Thanh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Đức Liêm	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc 30 tháng 06 năm 2019 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Lân

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 08 năm 2019

Số: 711/2019/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần, được lập ngày 19 tháng 08 năm 2019, từ trang 04 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Đình Văn Thắng****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 03/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2019

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mẫu B 01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		2.004.320.538.264	2.221.240.575.601
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	184.992.122.093	296.834.889.495
1. Tiền	111		130.803.556.693	159.613.700.964
2. Các khoản tương đương tiền	112		54.188.565.400	137.221.188.531
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.900.000.000	1.900.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	2.000.000.000	2.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2	(100.000.000)	(100.000.000)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		676.073.393.123	889.390.701.638
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	544.045.176.408	783.124.337.764
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		69.408.086.804	70.003.032.716
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	62.814.455.880	36.462.071.432
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(269.916.362)	(130.429.595)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		75.590.393	(68.310.679)
IV- Hàng tồn kho	140	5.5	1.069.517.917.842	939.159.871.848
1. Hàng tồn kho	141		1.073.162.191.579	942.804.145.585
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.644.273.737)	(3.644.273.737)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		71.837.105.206	93.955.112.620
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	26.068.882.486	17.544.994.750
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		30.634.734.204	67.766.502.655
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		15.133.488.516	8.643.615.215
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		1.087.230.403.210	1.148.703.496.139
I Các khoản phải thu dài hạn	210		17.075.220.000	49.139.244.043
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	17.075.220.000	49.139.244.043
II Tài sản cố định	220		834.407.049.599	844.647.480.950
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	803.147.029.358	813.592.774.704
- Nguyên giá	222		1.666.283.200.293	1.632.549.020.875
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(863.136.170.935)	(818.956.246.171)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	31.260.020.241	31.054.706.246
- Nguyên giá	228		56.832.366.375	54.120.386.294
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(25.572.346.134)	(23.065.680.048)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		27.526.084.898	29.324.123.866
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		27.526.084.898	29.324.123.866
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		95.856.403.139	102.259.242.143
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.9	59.149.654.840	67.552.493.844
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.9	35.706.748.299	33.706.748.299
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		1.000.000.000	1.000.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		112.365.645.574	123.333.405.137
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	112.365.645.574	123.333.405.137
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		3.091.550.941.474	3.369.944.071.740

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mẫu B 01a- DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

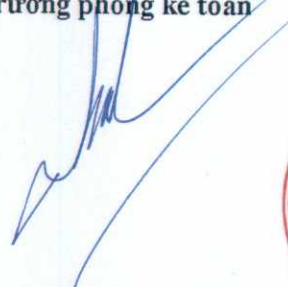
NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		2.696.127.923.114	2.940.336.012.593
I- Nợ ngắn hạn	310		2.355.880.109.494	2.578.322.775.643
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	330.107.160.762	387.510.297.666
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		55.377.242.662	46.859.503.201
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	19.235.878.319	30.238.270.324
4. Phải trả người lao động	314		191.351.586.709	294.337.867.771
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	22.908.473.849	32.574.322.776
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		8.838.003.601	23.145.281.738
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	85.491.294.067	47.720.003.478
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	1.618.284.459.667	1.686.630.411.604
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		24.286.009.858	29.306.817.085
II- Nợ dài hạn	330		340.247.813.620	362.013.236.950
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.10	1.004.943.120	1.464.192.588
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		11.026.002.937	17.705.531.814
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		26.029.723.468	25.029.723.468
4. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	3.818.635.092	3.885.580.092
5. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.14	296.910.037.406	312.781.285.391
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.458.471.597	1.146.923.597
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		395.423.018.360	429.608.059.147
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	395.423.018.360	429.608.059.147
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		47.328.662.304	46.389.848.609
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.479.742.869	86.602.875.905
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		37.226.065.196	27.455.756.137
- LNST chưa phân phối kì này	421b		(5.746.322.327)	59.147.119.768
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		134.614.613.187	114.615.334.633
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		3.091.550.941.474	3.369.944.071.740

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 08 năm 2019

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc


Đặng Minh Tuyên

Mai Văn Hoàng Dũng

Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mẫu B 02a- DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 năm 06 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	2.131.764.662.675	2.134.756.461.107
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.16	10.065.868.948	8.343.879.880
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.16	2.121.698.793.727	2.126.412.581.227
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	1.704.817.622.279	1.691.996.361.813
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		416.881.171.448	434.416.219.414
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	19.740.449.235	12.215.087.091
7. Chi phí tài chính	22	5.19	51.795.276.588	47.331.264.107
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		43.381.439.828	39.329.404.399
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		(7.292.357.985)	286.964.011
9. Chi phí bán hàng	25	5.20	155.275.634.934	160.855.615.812
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.21	214.511.654.912	208.159.361.802
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25+26)}	30		7.746.696.264	30.572.028.795
12. Thu nhập khác	31	5.22	16.534.528.906	7.849.228.103
13. Chi phí khác	32	5.22	7.315.986.084	2.920.019.124
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		9.218.542.822	4.929.208.979
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		16.965.239.086	35.501.237.774
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		8.328.880.897	12.272.698.207
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		311.548.000	(1.624.968.065)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		8.324.810.189	24.853.507.632
19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	61		3.463.578.784	22.194.197.379
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.861.231.405	2.659.310.253
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	63	897

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 08 năm 2019

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc

Đặng Minh Tuyên

Mai Văn Hoàng Dũng

Nguyễn Ngọc Lân



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu B 03a-DN/HN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 năm 06 năm 2019


CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	16.965.239.086	35.501.237.774
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	63.328.616.170	61.186.360.930
- Các khoản dự phòng	03	139.486.767	(358.124.915)
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(201.615.604)	431.039.867
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(13.493.625.461)	(5.879.168.552)
- Chi phí lãi vay	06	43.381.439.828	39.329.404.399
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	(10.621.742.320)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	110.119.540.786	119.589.007.183
- Biến động các khoản phải thu	09	275.906.146.552	11.497.552.524
- Biến động hàng tồn kho	10	(130.358.045.994)	(218.081.972.364)
- Biến động các khoản phải trả	11	(136.200.698.325)	(114.731.355.880)
- Biến động chi phí trả trước	12	2.443.871.827	6.568.342.356
- Tiền lãi vay đã trả	14	(43.381.439.828)	(39.571.610.576)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(22.681.677.398)	(15.952.063.918)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	126.190.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(12.658.620.569)	(10.716.215.617)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	43.189.077.051	(261.272.126.292)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(36.648.120.531)	(90.068.429.106)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.938.164.821	7.758.807.690
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(8.926.310.802)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	19.889.451.544
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(12.527.068.246)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.500.000.000	1.021.511.225
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.521.067.004	5.056.499.715
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.688.888.706)	(77.795.537.980)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	3.075.000.000	23.227.070.066
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.915.997.228.466	2.247.055.356.028
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.000.214.428.388)	(1.888.950.168.699)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(58.162.889.895)	(46.809.545.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(139.305.089.817)	334.522.711.895
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(111.804.901.472)	(4.544.952.377)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	296.834.889.495	228.713.854.868
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(37.865.930)	(408.864.208)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	184.992.122.093	223.760.038.283

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

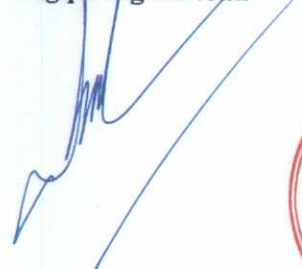
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 08 năm 2019

Người lập



Đặng Minh Tuyền

Trưởng phòng Kế toán



Mai Văn Hoàng Dũng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu B 09a-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Vốn điều lệ là: 182.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	5.040.000	50.400.000.000	27,69%
Các cổ đông khác	131.600.000.000	131.600.000.000	72,31%
Tổng	18.200.000	182.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 30/06/2019: 4.628 người (31/12/2018 là: 4.404 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm dệt;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;
- ...

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a-DN/HN**1.3. Cấu trúc doanh nghiệp***Danh sách các công ty con được hợp nhất*

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	Quyền biểu quyết Công ty mẹ
Công ty CP May Gia Lai	Đường Lý Thái Tổ, tổ 12, phường Yên Đỗ, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	51%	51%
Công ty CP May Đà Lạt	Số 9, đường Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	55%	55%
Công ty CP May Bình Định	Số 105, đường Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam	51,84%	51,84%
Công ty CP May An Nhơn	Số 71, đường Nguyễn Đình Chiểu, P. Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam	58,19%	58,19%
Công ty CP May Tam Quan	Cụm công nghiệp Tam Quan, thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam	58,78%	51%
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	Số 204, đường Thống Nhất, phường Tân Thiện, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	51%	51%
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Cụm công nghiệp Trung An, ấp Bình Tạo, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	82,35%	82,35%
Công ty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, phường VII, Tp. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	55,69%	55,69%
Công ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	Khu phố 1, Thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	65,1%	60,00%
Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	Số 4 Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,57%	51,57%
Công ty CP Du lịch NBC Cam Bình Resort	Thôn Mũi Đá, xã Tân Phước, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	59,10%	59,10%

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)*Danh sách các công ty liên doanh, liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ*

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	Quyền biểu quyết Công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà Bè	Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	28,58%	28,58%
Công ty CP May 9	Số 215, Hàng Thao, Tp. Nam Định, tỉnh Nam Định	26,78%	26,78%
Công ty CP Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	139 Trần Trọng Cung, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	30%	30%
Công ty CP Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	29,99%	29,99%
Công ty CP May Sông Tiền	Ấp Bình Tạo, Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	43,89%	43,89%
Công ty CP Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Hưng Phát	Số 12 Đường Mai Hắc Đế, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam	20,05%	20,05%
Công ty CP May Gia Phúc	Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	47,50%	47,50%
Công ty CP May Nhà Bè - Sóc Trăng	Quốc lộ 60, phường 7, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	36%	36%

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ Kế toán**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 30 tháng 06.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp nhất các Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại tại ngày 30/06/2019.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại tại ngày 30/06/2019.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền:

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Tổng Công ty và công ty liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, quyền phát hành, công thức pha chế,... và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>6 tháng đầu năm 2019</u> (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 07

Tài sản cố định vô hình

	<u>6 tháng đầu năm 2019</u> (Số năm)
Quyền sử dụng đất	50
Nhãn hiệu hàng hóa	10
Bản quyền, bằng sáng chế	10
Công thức pha chế, thiết kế,...	10

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, chi phí nguyên vật liệu: vải chính.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh hợp nhất doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, kể cả các Công ty con, các Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Trong năm, Tổng Công ty chỉ hoạt động chủ yếu sản xuất, gia công hàng may mặc, địa điểm hoạt động tại Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	8.898.627.630	6.448.130.933
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	109.117.429.063	153.165.570.031
Tiền đang chuyển	12.787.500.000	-
Tương đương tiền	54.188.565.400	137.221.188.531
Tổng	184.992.122.093	296.834.889.495

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại có kỳ hạn không quá 3 tháng.

5.2 Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2019 (VND)			01/01/2019 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	2.000.000.000	1.900.000.000	(100.000.000)	2.000.000.000	1.900.000.000	(100.000.000)
Trong đó chủ yếu:						
<i>Ngân hàng TMCP Quốc Dân</i>	2.000.000.000	1.900.000.000	(100.000.000)	2.000.000.000	1.900.000.000	(100.000.000)
Tổng	2.000.000.000	1.900.000.000	(100.000.000)	2.000.000.000	1.900.000.000	(100.000.000)

5.3 Phải thu của khách hàng

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	544.045.176.408	783.124.337.764
Motives (Far East) Ltd.	20.261.368.481	88.854.234.747
JC Penney Purchasing Corporation	17.836.339.126	37.368.558.785
Arcadia Group Brands Ltd.	22.976.108.420	36.819.801.811
BMB Clothing Group	23.012.053.782	31.002.645.249
Generos De Punto Victrix, S.L.	31.628.213.466	29.340.037.927
Primark Store Ltd	6.707.891.756	10.568.211.664
River Island Clothing Co., Ltd.	9.295.578.865	24.501.733.850
Công ty CP May Gia Phúc	52.582.025.468	40.623.515.573
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt may Miền	38.786.265.179	29.250.061.124
Phải thu khách hàng khác	320.959.331.865	454.795.537.034
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Tổng	544.045.176.408	783.124.337.764

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.4 Phải thu khác

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	62.814.455.880	-	36.462.071.432	-
- Tạm ứng	4.161.761.228	-	3.349.574.736	-
- Ký cược, ký quỹ	7.842.796.233	-	450.270.030	-
- Phải thu khác	50.809.898.419	-	32.662.226.666	-
b) Dài hạn	17.075.220.000	-	49.139.244.043	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	20.000.000	-
- Phải thu khác	17.075.220.000	-	49.119.244.043	-
Tổng	79.889.675.880	-	85.601.315.475	-

5.5 Hàng tồn kho

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	529.844.722	-	282.365.122	-
Nguyên liệu, vật liệu	361.350.584.008	(2.542.359.180)	302.639.663.375	(2.542.359.180)
Công cụ, dụng cụ	1.516.561.609	-	1.382.613.196	-
Chi phí SX KĐDD	409.239.175.612	-	325.728.654.775	-
Thành phẩm	200.212.388.451	(965.097.418)	206.441.085.017	(965.097.418)
Hàng hóa	11.529.538.278	(136.817.139)	9.469.826.911	(136.817.139)
Hàng gửi bán	88.784.098.899	-	96.859.937.189	-
Tổng	1.073.162.191.579	(3.644.273.737)	942.804.145.585	(3.644.273.737)

5.6 Chi phí trả trước

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn	26.068.882.486	17.544.994.750
- Chi phí CCDC	4.625.594.701,00	2.521.254.456
- Khác	21.443.287.785	15.023.740.294
b) Dài hạn	112.365.645.574	123.333.405.137
- Chi phí thuê đất	39.795.238.430,00	43.658.364.819
- Chi phí CCDC	30.777.044.250,00	32.974.570.695
- Chi phí sửa chữa	10.199.789.885,00	12.723.005.821
- Khác	31.593.573.009	33.977.463.802
Tổng	138.434.528.060	140.878.399.887

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mẫu B 09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYỄN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2019	709.112.422.601	796.873.938.853	109.680.752.114	13.534.596.925	3.347.310.382	1.632.549.020.875
Tăng trong kỳ	9.599.862.165	40.695.136.620	1.070.000.000	525.877.622	140.942.955	52.031.819.362
Mua trong kỳ	3.109.337.907	40.695.136.620	1.070.000.000	286.909.090	140.942.955	45.302.326.572
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.212.647.069	-	-	-	-	6.212.647.069
Tăng khác	277.877.189	-	-	238.968.532	-	516.845.721
Giảm trong kỳ	-	17.372.316.842	657.527.270	-	267.795.832	18.297.639.944
Thanh lý nhượng bán	-	16.607.387.294	657.527.270	-	-	17.264.914.564
Giảm khác	-	764.929.548	-	-	267.795.832	1.032.725.380
Số dư tại 30/06/2019	718.712.284.766	820.196.758.631	110.093.224.844	14.060.474.547	3.220.457.505	1.666.283.200.293
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2019	270.668.915.609	456.252.177.809	79.288.119.263	10.065.926.941	2.681.106.549	818.956.246.171
Tăng trong kỳ	17.483.685.226	39.687.343.119	3.231.945.097	701.779.481	126.559.627	61.231.312.550
Khấu hao trong kỳ	17.397.370.680	39.687.343.119	3.161.673.377	449.003.281	126.559.627	60.821.950.084
Tăng khác	86.314.546	-	70.271.720	252.776.200	-	409.362.466
Giảm trong kỳ	-	16.329.219.180	357.441.539	-	364.727.067	17.051.387.786
Thanh lý nhượng bán	-	16.222.486.788	357.441.539	-	-	16.579.928.327
Giảm khác	-	106.732.392	-	-	364.727.067	471.459.459
Số dư tại 30/06/2019	288.152.600.835	479.610.301.748	82.162.622.821	10.767.706.422	2.442.939.109	863.136.170.935
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2019	438.443.506.992	340.621.761.044	30.392.632.851	3.468.669.984	666.203.833	813.592.774.704
Số dư tại 30/06/2019	430.559.683.931	340.586.456.883	27.930.602.023	3.292.768.125	777.518.396	803.147.029.358

TÔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mẫu B 09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2019	19.581.647.983	5.838.965.451	28.699.772.860	54.120.386.294
Tăng trong kỳ	36.363.636	-	2.675.616.445	2.711.980.081
Mua trong kỳ	36.363.636	-	2.675.616.445	2.711.980.081
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2019	19.618.011.619	5.838.965.451	31.375.389.305	56.832.366.375
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2019	3.418.726.313	5.484.434.042	14.162.519.693	23.065.680.048
Tăng trong kỳ	281.102.984	289.881.403	1.935.681.699	2.506.666.086
Khấu hao trong kỳ	281.102.984	289.881.403	1.935.681.699	2.506.666.086
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2019	3.699.829.297	5.774.315.445	16.098.201.392	25.572.346.134
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại 01/01/2019	16.162.921.670	354.531.409	14.537.253.167	31.054.706.246
Số dư tại 30/06/2019	15.918.182.322	64.650.006	15.277.187.913	31.260.020.241

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.9 Đầu tư tài chính dài hạn

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ	30/06/2019	01/01/2019
		VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		59.149.654.840	67.552.493.844
Công ty CP May 9	26,78%	5.114.911.632	7.240.803.240
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà Bè	28,58%	6.091.168.343	5.199.307.207
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	30,00%	5.549.983.975	5.933.139.420
Công ty CP May Gia Phúc	47,50%	-	-
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	29,99%	4.522.167.743	4.362.414.322
Công ty CP May Sông Tiền	43,89%	29.185.274.419	27.685.094.453
Công ty CP May Hoài Hương	0,00%	-	2.649.533.505
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	0,00%	-	5.371.839.773
Công ty CP May Nhà Bè - Sóc Trăng	36,00%	8.686.148.728	9.110.361.924
Công ty CP SX - TM - DV Hưng Phát	20,05%	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác		35.706.748.299	33.706.748.299
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	1,86%	5.337.100.000	5.337.100.000
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Bình Thắng	18,02%	5.802.843.385	5.802.843.385
Công ty CP NPL Dệt May Bình An	6,45%	7.161.920.000	7.161.920.000
Công ty CP Dệt may Liên Phương	10,88%	3.480.000.000	3.480.000.000
Công ty CP Đầu Tư An Phát	5,00%	4.225.000.000	4.225.000.000
Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	15,00%	5.250.000.000	5.250.000.000
Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	8,82%	2.449.884.914	2.449.884.914
Công ty CP May Hoài Hương	16,67%	2.000.000.000	-
Tổng		94.856.403.139	101.259.242.143

5.10 Phải trả người bán

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	330.107.160.762	339.491.156.290	387.510.297.666	387.510.297.666
Công ty CP May Phù Cát	6.685.302.153	12.010.430.818	13.437.749.135	13.437.749.135
Công ty CP May Tây Sơn	193.860.290	7.617.743.899	323.499.975	323.499.975
Công ty TNHH May Xuất khẩu Việt Thành	3.727.273.134	9.087.374.664	6.599.314.711	6.599.314.711
Kufner Hong Kong Ltd.	9.767.596.674	7.442.729.479	13.352.482.590	13.352.482.590
Motives (Far East) Ltd.	13.961.494.558	7.561.243.477	13.144.406.811	13.144.406.811
Phải trả các nhà cung cấp khác	295.771.633.953	295.771.633.953	340.652.844.444	340.652.844.444
b) Dài hạn	1.004.943.120	1.023.054.500	1.464.192.588	1.464.192.588
Công ty CP Long Phương Đông	1.004.943.120	1.023.054.500	1.464.192.588	1.464.192.588
Tổng	331.112.103.882	340.514.210.790	388.974.490.254	388.974.490.254

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Thuế GTGT	12.128.509.798	17.247.154.402
Thuế xuất, nhập khẩu	-	151.529.181
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.056.137.250	8.523.711.398
Thuế thu nhập cá nhân	2.344.087.187	2.819.259.493
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	939.250.000	1.207.250.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.767.894.084	289.365.850
Tổng	19.235.878.319	30.238.270.324

5.12 Chi phí phải trả

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn	22.908.473.849	32.574.322.776
- Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	9.899.072.989	8.500.168.402
- Trích trước chi phí lãi vay	-	3.001.742.761
- Chi phí nguyên vật liệu - Vải chính	928.501.488	9.192.045.622
- Chi phí điện, nước, vận chuyển	5.327.569.791	5.864.411.229
- Chi phí phải trả khác	6.753.329.581	6.015.954.762
b) Dài hạn	-	-
Tổng	22.908.473.849	32.574.322.776

5.13 Phải trả khác

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn	85.491.294.067	47.720.003.478
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	12.437.052.726	10.993.938.362
BHXH, BHYT, BHTN	30.437.183.396	15.889.520.633
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	719.312.750	11.397.698.508
Các khoản phải trả, phải nộp khác	41.887.745.195	9.428.845.975
b) Dài hạn	3.818.635.092	3.885.580.092
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.677.400.000	2.744.345.000
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Cụm công nghiệp Tam Quan	1.141.235.092	1.141.235.092
Tổng	89.309.929.159	51.605.583.570

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/06/2019		Trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.578.396.364.397	1.578.396.364.397	1.925.574.182.089	1.950.687.312.904	1.603.509.495.212	1.603.509.495.212
Ngân hàng TMCP Á Châu	179.867.710.815	179.867.710.815	188.911.344.614	115.748.266.185	106.704.632.386	106.704.632.386
Ngân hàng TMCP An Bình	54.448.310.947	54.448.310.947	54.448.310.947	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	357.738.329.243	357.738.329.243	358.089.737.062	79.233.863.600	78.882.455.781	78.882.455.781
Vay tổ chức khác	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	-	13.100.000.000	13.100.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	115.822.126.037	115.822.126.037	116.065.262.762	237.584.569.489	237.341.432.764	237.341.432.764
Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	40.162.430.109	40.162.430.109	40.435.436.183	46.502.564.720	46.229.558.646	46.229.558.646
Ngân hàng TMCP Quân đội	10.395.448.664	10.395.448.664	14.562.448.665	9.880.637.225	5.713.637.224	5.713.637.224
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	285.573.734.926	285.573.734.926	586.425.127.199	1.113.073.443.818	812.222.051.545	812.222.051.545
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	533.388.273.656	533.388.273.656	533.104.184.270	268.836.452.421	269.120.541.807	269.120.541.807
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	-	-	19.432.330.387	66.727.515.446	47.295.185.059	47.295.185.059
Nợ dài hạn đến hạn trả	39.888.095.270	39.888.095.270	4.544.057.490	47.776.878.612	83.120.916.392	83.120.916.392
Ngân hàng TMCP Á Châu	2.730.893.817	2.730.893.817	57.490	3.442.200.203	6.173.036.530	6.173.036.530
Ngân hàng TMCP Quân đội	810.000.000	810.000.000	-	810.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	9.677.965.185	9.677.965.185	4.544.000.000	14.890.850.000	20.024.815.185	20.024.815.185
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	26.669.236.268	26.669.236.268	-	28.633.828.409	55.303.064.677	55.303.064.677
Tổng	1.618.284.459.667	1.618.284.459.667	1.930.118.239.579	1.998.464.191.516	1.686.630.411.604	1.686.630.411.604

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	30/06/2019		Trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Á Châu	9.123.440.509	9.123.440.509	580.015.000	-	8.543.425.509	8.543.425.509
Ngân hàng TMCP Quân đội	810.000.000	810.000.000	-	1.000.000.000	1.810.000.000	1.810.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	22.151.435.000	22.151.435.000	-	4.544.000.000	26.695.435.000	26.695.435.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	264.825.161.897	264.825.161.897	-	10.907.262.985	275.732.424.882	275.732.424.882
Tổng	296.910.037.406	296.910.037.406	580.015.000	16.451.262.985	312.781.285.391	312.781.285.391

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	182.000.000.000	45.674.075.646	63.332.954.145	106.216.293.880	397.223.323.671
Tăng trong năm	-	715.772.963	81.296.953.295	19.859.323.050	101.872.049.308
Lợi nhuận sau thuế	-	-	59.147.119.768	8.793.645.546	67.940.765.314
Phân phối lợi nhuận	-	715.772.963	-	-	715.772.963
Tăng do không hợp nhất May Gia Phúc	-	-	22.149.833.527	-	22.149.833.527
Tăng khác	-	-	-	11.065.677.504	11.065.677.504
Giảm trong năm	-	-	58.027.031.535	11.460.282.297	69.487.313.832
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	715.772.963	-	715.772.963
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	11.811.258.572	3.872.257.512	15.683.516.084
Chia cổ tức	-	-	45.500.000.000	4.900.000.000	50.400.000.000
Giảm do không hợp nhất May Gia Phúc	-	-	-	2.688.024.785	2.688.024.785
Số dư tại 31/12/2018	182.000.000.000	46.389.848.609	86.602.875.905	114.615.334.633	429.608.059.147
Số dư tại 01/01/2019	182.000.000.000	46.389.848.609	86.602.875.905	114.615.334.633	429.608.059.147
Tăng trong kỳ	-	1.019.016.418	3.463.578.784	37.085.829.431	41.568.424.633
Lợi nhuận sau thuế	-	-	3.463.578.784	4.861.231.405	8.324.810.189
Phân phối lợi nhuận	-	1.019.016.418	-	-	1.019.016.418
Tăng khác	-	-	-	32.224.598.026	32.224.598.026
Giảm trong kỳ	-	80.202.723	58.586.711.820	17.086.550.877	75.753.465.420
Chia cổ tức	-	-	45.500.000.000	12.662.889.895	58.162.889.895
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.019.016.418	720.883.679	1.739.900.097
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	4.547.782.348	1.666.615.114	6.214.397.462
Giảm khác	-	80.202.723	7.519.913.054	2.036.162.189	9.636.277.966
Số dư tại 30/06/2019	182.000.000.000	47.328.662.304	31.479.742.869	134.614.613.187	395.423.018.360

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a-DN/HN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	30/06/2019	Tỷ lệ	01/01/2019	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	50.400.000.000	27,69%	50.400.000.000	27,69%
Các cổ đông khác	131.600.000.000	72,31%	131.600.000.000	72,31%
Tổng	182.000.000.000	100%	182.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	182.000.000.000	182.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	182.000.000.000	182.000.000.000
Cổ tức được chia	45.500.000.000	45.500.000.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	10.000	10.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)</i>		

5.16 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018
	VND	VND
Doanh thu	2.131.764.662.675	2.134.756.461.107
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.131.764.662.675	2.134.756.461.107
Tổng	2.131.764.662.675	2.134.756.461.107
Các khoản giảm trừ doanh thu	10.065.868.948	8.343.879.880
- Chiết khấu thương mại	843.630.780	875.750.752
- Giảm giá hàng bán	9.177.858.386	-
- Hàng bán bị trả lại	44.379.782	7.468.129.128
Doanh thu thuần	2.121.698.793.727	2.126.412.581.227

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.17 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	1.704.817.622.279	1.691.996.361.813
Tổng	1.704.817.622.279	1.691.996.361.813

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.858.112.336	3.245.924.662
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.662.954.668	2.154.094.111
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.219.382.231	6.815.068.318
Tổng	19.740.449.235	12.215.087.091

5.19 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Lãi tiền vay	43.381.439.828	39.329.404.399
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.413.836.760	8.001.859.708
Tổng	51.795.276.588	47.331.264.107

5.20 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Chi phí nhân viên	33.226.289.263,00	33.757.960.561
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	2.281.862.044,00	2.430.058.313
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	1.904.981.524,00	1.763.814.387
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.843.508.411,00	1.281.701.757
Thuế phí và lệ phí	80.294.090,00	88.001.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.146.241.496,00	98.751.278.385
Chi phí bằng tiền khác	14.792.458.106,00	22.782.801.319
Tổng	155.275.634.934	160.855.615.812

TÔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	129.823.722.129	101.818.162.624
Chi phí vật liệu quản lý	5.539.117.712	6.391.437.620
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.505.627.411	2.102.421.980
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.449.011.650	9.471.846.936
Thuế phí và lệ phí	832.768.044	1.217.345.089
Chi phí dự phòng	-	435.863.501
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.315.839.262	39.048.208.765
Chi phí bằng tiền khác	35.045.568.704	47.674.075.287
Tổng	214.511.654.912	208.159.361.802

5.22 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	875.397.461	923.410.910
Thanh lý nguyên vật liệu	-	92.491.913
Các khoản khác	15.659.131.445	6.833.325.280
Tổng	16.534.528.906	7.849.228.103
<i>Chi phí khác</i>		
Xử lý chênh lệch gia công	670.858.806	59.820
Các khoản bị phạt	2.681.177.703	6.365.129
Các khoản khác	3.963.949.575	2.913.594.175
Tổng	7.315.986.084	2.920.019.124
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	9.218.542.822	4.929.208.979

5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.463.578.784	22.194.197.379
Giảm do trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	(2.312.856.669)	(5.877.306.004)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.150.722.115	16.316.891.375
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	18.200.000	18.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	63	897

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với bên liên quan****Giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ trong kỳ**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018
			VND	VND
Công ty CP May Gia Phúc	Công ty liên kết	Quần áo	12.969.336.263	4.647.055.400
		Khác	7.130.000	7.130.000
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà Bè	Công ty liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	34.670.276	117.054.222
		Tiền thuê nhà	221.021.600	163.159.325
		Khác	9.875.000	17.000.000
		Thiết bị các loại	22.700.000	-
Công ty CP Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	Quần áo	-	5.450.000
		Điện, ăn, nước, thuê máy	36.438.628	62.848.996
		Tiền thuê nhà	299.640.000	299.640.000
Công ty CP Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	Công ty liên kết	Quần áo	22.222.728	1.054.545
		Điện, ăn, nước, thuê máy	28.068.063	36.039.121
		Tiền thuê nhà	139.260.000	212.836.350
		Quần áo	21.004.004	-
Công ty CP May Sông Tiền	Công ty liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	14.560.000	4.080.000
		Nguyên phụ liệu	78.472.727	12.627.272
		Khác	439.344.150	9.400.000
		Quần áo	11.314.545	-
Chi nhánh Công ty CP May Sông Tiền - Xí nghiệp May An Giang	Công ty liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	20.009.000	20.020.000
		Khác	62.964.145	3.340.000

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.1 Giao dịch và số dư với bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018
			VND	VND
Công ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà Bè	Công ty liên kết	Phí vận chuyển	20.572.636.860	23.645.913.824
		Khác	49.003.209.666	59.438.338.057
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	Thiết bị các loại	7.621.347.000	11.327.072.000
		Dịch vụ bảo trì	1.600.000	1.600.000
		Công cụ, dụng cụ	7.080.000	-
		Khác	-	9.540.000
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên kết	Văn phòng phẩm	-	1.940.000
		Sửa chữa	-	4.600.000
		Thiết bị các loại	-	1.477.838.880
		Công cụ, dụng cụ	1.622.160.048	-
Công ty CP May Sông Tiền	Công ty liên kết	Khác	-	2.376.799.280
		Sửa chữa	28.181.800	81.758.408
		Gia công	-	968.284.147
Chi nhánh Công ty CP May Sông Tiền - Xí nghiệp May An Giang	Công ty liên kết	Gia công	5.569.396.842	-

Số dư các khoản phải thu

Bên liên quan	Mối quan hệ	Khoản mục	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
Công ty CP May Gia Phúc	Công ty liên kết	Phải thu khác	28.903.410.958	28.035.602.739
	Công ty liên kết	Trả trước cho người bán	5.329.605.609	5.326.799.836

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Các loại công cụ tài chính**

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	184.992.122.093	296.834.889.495
Phải thu khách hàng và phải thu khác	619.503.174.698	865.245.648.908
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.900.000.000	1.900.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	36.706.748.299	34.706.748.299
Tổng	843.102.045.090	1.198.687.286.702
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.915.194.497.073	1.999.411.696.995
Phải trả người bán và phải trả khác	420.422.033.041	440.580.073.824
Chi phí phải trả	22.908.473.849	32.574.322.776
Tổng	2.358.525.003.963	2.472.566.093.595

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, Tổng Công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, Công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 30/06/2019			
Phải trả người bán và phải trả khác	419.500.181.747	4.823.578.212	424.323.759.959
Chi phí phải trả	47.920.727.717	-	47.920.727.717
Các khoản vay	1.540.696.242.942	296.910.037.406	1.837.606.280.348
Tổng	2.008.117.152.406	301.733.615.618	2.309.850.768.024
Tại 01/01/2019			
Phải trả người bán và phải trả khác	435.230.301.144	5.349.772.680	440.580.073.824
Chi phí phải trả	32.574.322.776	-	32.574.322.776
Các khoản vay	1.686.630.411.604	312.781.285.391	1.999.411.696.995
Tổng	2.154.435.035.524	318.131.058.071	2.472.566.093.595

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 30/06/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	184.992.122.093	-	184.992.122.093
Phải thu khách hàng và phải thu khác	602.427.954.698	17.075.220.000	619.503.174.698
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.900.000.000	-	1.900.000.000
Tài sản thuê tài chính	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	36.706.748.299	36.706.748.299
Tổng	789.320.076.791	53.781.968.299	843.102.045.090
Tại 01/01/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	296.834.889.495	-	296.834.889.495
Phải thu khách hàng và phải thu khác	816.106.404.865	49.139.244.043	865.245.648.908
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.900.000.000	-	1.900.000.000
Tài sản thuê tài chính	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	34.706.748.299	34.706.748.299
Tổng	1.114.841.294.360	83.845.992.342	1.198.687.286.702

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 đã được soát xét.

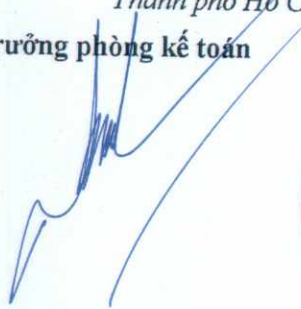
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 08 năm 2019

Người lập



Đặng Minh Tuyên

Trưởng phòng kế toán



Mai Văn Hoàng Dũng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân

